TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM THUỶ** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2025
V/v: "*Không công nhận vợ chồng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THUỶ,TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Dương Ngọc H;

- Ông Trịnh Huy Ph.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thúc Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CTxét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc "Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1969; Trú tại: Thôn 5 Bình Hòa, CB, CT, TH; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1973; Trú tại: Thôn 5 Bình Hòa, CB, CT, TH; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông và bà Trịnh Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau và có tổ chức lễ cưới vào ngày 01/6/1991, do không am hiểu pháp luật nên vợ chồng sống chung với nhau không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ ông tại thôn 5 Bình Hòa, xã Cẩm Bình được một thời gian thì vợ chồng ra

ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, bà H không quan tâm đến gia đình, nên vợ chồng đã ly thân nhau từ đó đến nay. Nay tình cảm không còn, ông đề nghị được ly hôn với bà Trịnh Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Huệ, sinh ngày 13/4/1990 và Nguyễn Đình Tài, sinh ngày 24/10/1993, hiện con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trịnh Thị H trình bày: Bà và ông Sinh tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới vào năm 1991, nhưng do không am hiểu pháp luật nên vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn bà và ông Sinh chung sống cùng bố mẹ ông Sinh được một thời gian thì vợ chồng ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do không có tiếng nói chung nên vợ chồng đã ly thân nhau từ đó đến nay. Nay ông Sinh yêu cầu ly hôn bà nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Huệ, sinh ngày 13/4/1990 và Nguyễn Đình Tài, sinh ngày 24/10/1993, hiện con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Bình ngày 03/6/2025 thể hiện: Ông Nguyễn Văn S và bà Trịnh Thị H có đăng ký hộ khẩu tH trú tại Thôn 5 Bình Hòa, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Qua tra cứu hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Bình không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của ông Sinh và bà H, do đó không có căn cứ xác định ông Sinh, bà H có đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng chính quyền địa phương không biết vì ông bà không báo cáo, cũng không đề nghị hòa giải tại địa phương. Ông Sinh và bà H có 02 con chung là Nguyễn Thị Huệ, sinh ngày 13/4/1990 và Nguyễn Đình Tài, sinh ngày 24/10/1993.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CTphát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15; Điều 53 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 Bộ Luật TTDS. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị xử:

Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn S và bà Trịnh Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Ông Sinh và bà H có 02 con chung là Nguyễn Thị Huệ, sinh ngày 13/4/1990 và Nguyễn Đình Tài, sinh ngày 24/10/1993, con chung đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Sinh và bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và bị đơn bà Trịnh Thị H đều có hộ khẩu tH trú tại Thôn 5 Bình Hòa, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Ông Sinh và bà H kết hôn, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Cẩm Bình xác định ông Sinh và bà H không có đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp "Không công nhận vợ chồng" quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về hôn nhân: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và bị đơn bà Trịnh Thị H tự nguyện kết hôn và được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào ngày 01/6/1991, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự đều thừa nhận không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Việc nguyên đơn và bị đơn có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng trong quá trình chung sống lại không đăng ký kết

hôn theo đúng trình tự, thủ tục, không có giấy tờ chứng minh đã đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch; Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này". Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận ông Sinh và bà H là vợ chồng.

[4]. Về con chung: Ông Sinh và bà H có 02 con chung là Nguyễn Thị Huệ, sinh ngày 13/4/1990 và Nguyễn Đình Tài, sinh ngày 24/10/1993, con chung đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Sinh và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Ông Sinh phải chịu án phí DSST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn S và bà Trịnh Thị H là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Huệ, sinh ngày 13/4/1990 và Nguyễn Đình Tài, sinh ngày 24/10/1993, con chung đã thành niên, nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BLTU/24/0002649, ngày 07/10/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Ông Sinh không đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn S, bà Trịnh Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H.Cẩm Thủy;
- UBND xã Cẩm Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dung